

Số: /QĐ-UBND

Sơn Động, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách
năm 2022 của huyện Sơn Động**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG

*Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015 và Nghị
định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi
hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính
hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 của Hội đồng nhân
dân huyện Sơn Động khóa XX kỳ họp thứ 7 về ước thực hiện dự toán thu - chi ngân
sách nhà nước năm 2022, dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;*

*Theo đề nghị của phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tại Tờ trình số 95/TTr-
TCKH ngày 30/12/2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách năm 2022 của
huyện Sơn Động (theo các biểu đính kèm Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng UBND và UBND huyện, phòng Tài chính - Kế
hoạch, thủ trưởng các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở KH&ĐT;
- Kho bạc nhà nước tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- TTHU, HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Chi cục Thuế khu vực Lục Ngạn-Sơn Động;
- Kho bạc Nhà nước Sơn Động;
- Cổng thông tin điện tử của Huyện;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Văn Trọng

Sơn Động, ngày tháng năm 2022

BÁO CÁO THUYẾT MINH

Thực hiện dự toán ngân sách năm 2022 của huyện Sơn Động

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND huyện Sơn Động)

1. Về thu NSNN:

Ước thực hiện thu ngân sách nhà nước năm 2022 là: 1.176,007 tỷ đồng, bằng 143,4% dự toán tỉnh giao và bằng 128,6% dự toán HĐND huyện giao. Trong đó thu nội địa là 125,041 tỷ đồng, bằng 132,2% dự toán tỉnh giao và bằng 66,3% dự toán HĐND huyện giao. Nếu trừ thu tiền sử dụng đất thì tổng thu nội địa là 97,131 tỷ đồng, bằng 130,2% dự toán. Cụ thể như sau:

- Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước: 0,247 tỷ đồng.
- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 59,267 tỷ đồng, bằng 131,1% dự toán.
- Thuế thu nhập cá nhân: 6,643 tỷ đồng, bằng 207,6% dự toán.
- Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: 0,41 tỷ đồng, bằng 100% dự toán.
- Lệ phí trước bạ: 11,911 tỷ đồng, bằng 108,3% dự toán.
- Phí và lệ phí: 11,428 tỷ đồng, bằng 103,9% dự toán.
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 0,01 tỷ đồng, bằng 100% dự toán.
- Thu tiền sử dụng đất: 27,91 tỷ đồng, bằng 24,5% dự toán.

Trong đó:

- + Ngân sách tỉnh hưởng: 2,791 tỷ đồng, bằng 24,48% dự toán.
- + Ngân sách huyện hưởng: 22,328 tỷ đồng, bằng 24,48% dự toán.
- + Ngân sách xã hưởng: 2,791 tỷ đồng, bằng 24,48% dự toán.
- Thu tiền thuê mặt đất mặt nước: 0,172 tỷ đồng, bằng 286,7% dự toán.
- Thu khác ngân sách: 5,187 tỷ đồng, bằng 157,2% dự toán.

Trong đó:

- + Thu phạt ATGT: 1 tỷ đồng, bằng 100% dự toán.
- + Thu phạt các ngành khác: 1,98 tỷ đồng, bằng 282,9% dự toán.
- + Thu tịch thu: 0,373 tỷ đồng.
- + Thu khác còn lại: 0,809 tỷ đồng, bằng 134,8% dự toán.
- + Thu khác NS TW: 1,025 tỷ, bằng 128,1% dự toán.
- Thu sự nghiệp, thu khác khối xã: 1,856 tỷ đồng, bằng 464% dự toán.
- Thu hồi các khoản chi năm trước: 0,579 tỷ đồng.
- Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước sang: 135,910 tỷ đồng, trong đó: ngân sách cấp huyện là 118,071 tỷ đồng, ngân sách cấp xã là 17,839 tỷ đồng.
- Thu kết dư ngân sách năm trước: 0,24 tỷ đồng.
- Thu bổ sung cân đối ngân sách: 914,237 tỷ đồng, bằng 126% dự toán.

Trong đó:

- + Thu bổ sung CĐNS từ cấp trên: 710,021 tỷ đồng, bằng 100% dự toán
- + Thu bổ sung có mục tiêu và MTQG từ ngân sách cấp trên: 204,216 tỷ đồng, bằng 1.299,8% dự toán.

Bám sát vào kế hoạch giao thu từ đầu năm, các chỉ tiêu thu đều đạt và vượt trên 100% dự toán giao trong năm, riêng chỉ tiêu thu tại xã đạt 464%, dự toán giao do trong năm thực hiện Chỉ thị số 19, ngày 11/6/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

(Chi tiết các lĩnh vực thu theo biểu số 94/CK-NSNN)

2. Về chi ngân sách địa phương:

Ước thực hiện chi ngân sách năm 2022 là: 1.169,501 tỷ đồng, bằng 129,8% dự toán. Cụ thể như sau:

2.1. Chi đầu tư phát triển: 224,407 tỷ đồng, bằng 218,7% dự toán,

Trong đó:

a/ Chi đầu tư cho các dự án: 82,382 tỷ đồng.

b/ Chi đầu tư phát triển khác: 142,025 tỷ đồng, bằng 138,4% dự toán, gồm:

- Chi đầu tư XDCEB từ tiền đất: 25,119 tỷ đồng, bằng 24,5% dự toán.

+ Chi điều tiết ngân sách xã: 2,791 tỷ đồng, bằng 24,48% dự toán.

+ Chi trả GPMB, quy hoạch đất và XDCEB trên địa bàn huyện và dự phòng 2% tăng thu so với dự toán tỉnh là 22,325 tỷ đồng triệu đồng, bằng 24,48% dự toán. Chi chuyển nguồn sang năm sau là 0,003 tỷ đồng.

- Chi đầu tư XDCEB nguồn vốn khác: 116,906 tỷ đồng.

2.2. Chi thường xuyên: 692,007 tỷ đồng, bằng 110% dự toán.

- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề: 513,33 tỷ đồng, bằng 111,9% dự toán.

- Chi y tế, dân số và gia đình: 2,498 tỷ đồng, bằng 100% dự toán.

- Trung tâm VH - TT và TT: 5,26 tỷ đồng, bằng 101,3% dự toán.

- Sự nghiệp thể dục thể thao: 1,19 tỷ đồng, bằng 192,2% dự toán.

- SN vệ sinh môi trường: 4,719 tỷ đồng, bằng 100%.

- Chi sự nghiệp kinh tế: 66,406 tỷ đồng, bằng 101,2% dự toán.

- Chi quản lý hành chính: 36,17 tỷ đồng, bằng 102,7% dự toán.

- Chi đảm bảo xã hội: 35,097 tỷ đồng, bằng 100% dự toán.

- Chi An ninh - Quốc phòng: 10,234 tỷ đồng, bằng 145,5% dự toán.

- Chi khác ngân sách: 3,117 tỷ đồng, bằng 101,5% dự toán.

- Chi hoàn trả ngân sách cấp trên: 13,986 tỷ đồng.

2.3. Chi từ nguồn Dự phòng ngân sách huyện: 13,164 tỷ đồng, bằng 100% dự toán.

2.4. Chi ngân sách xã (không kể chi từ thu tiền sử dụng đất): 174,746 tỷ đồng, bằng 112% dự toán.

2.5. Chi các chương trình mục tiêu: 30,005 tỷ đồng.

2.6. Chuyển nguồn ngân sách sang năm sau: (kinh phí cải cách tiền lương và tăng thu tiết kiệm chi): 35,172 tỷ đồng.

(Chi tiết các lĩnh vực chi theo biểu số 95/CK-NSNN)

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND huyện Sơn Động)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2022	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	823.360	1.169.501	142,04	111,77
I	Thu cân đối NSNN	97.628	118.966	121,86	75,23
1	Thu nội địa	97.628	118.966	121,86	75,23
2	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		135.910		213,00
III	Thu hồi các khoản chi năm trước		148		41,34
IV	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	725.732	914.237	125,97	110,95
V	Thu kết dư ngân sách		240		
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	823.360	1.169.501	142,04	111,97
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	823.360	1.104.324	134,12	110,89
1	Chi đầu tư phát triển	25.119	224.407	893,38	198,88
2	Chi thường xuyên	617.799	692.007	112,01	100,80
3	Dự phòng ngân sách	16.324	13.164		102,85
4	Chi ngân sách xã (không kể tiền đất)	150.752	174.746	115,92	97,29
5	Tiết kiệm 10% và cắt giảm dự toán	13.366	0	0,00	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh		30.005		88,66
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau		35.172		
C	Kết dư ngân sách		0		

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND huyện Sơn Động)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2022	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	102.490	261.770	255,41	153,20
I	Thu nội địa	102.490	125.041	122,00	73,18
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước		247		
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	45.200	59.267	131,12	98,78
4	Thuế thu nhập cá nhân	3.200	6.643	207,59	147,62
5	Phí cấp phép khai thác KS	410	410		
6	Lệ phí trước bạ	11.000	11.911	108,28	95,29
7	Thu phí, lệ phí	11.000	11.428	103,89	94,99
8	Các khoản thu về nhà, đất	27.980	28.092	100,40	36,66
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				0,00
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	10	10		43,48
-	Thu tiền sử dụng đất	27.910	27.910	100,00	36,48
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	60	172	286,67	245,71
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách	3.300	5.187	157,18	132,66
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	400	1.856	464,00	248,46
II	Thu hồi các khoản chi năm trước		579		
III	Thu chuyển nguồn NS năm trước sang		135.910		
IV	Thu kết dư NS năm trước		240		
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	97.628	118.966	121,86	75,23
1	Từ các khoản thu phân chia	94.589	112.974	119,44	77,97
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	3.039	5.992	197,17	45,21

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND huyện Sơn Động)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2022	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	823.360	1.169.501	142,04	111,97
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	823.360	1.104.324	134,12	110,89
I	Chi đầu tư phát triển	25.119	224.407	893,38	198,88
1	Chi đầu tư cho các dự án		82.382		
2	Chi đầu tư phát triển khác	25.119	142.025	565,41	
II	Chi thường xuyên	617.799	692.007	112,01	100,80
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	458.745	513.330	111,90	104,65
2	Chi khoa học và công nghệ				
3	Chi y tế, dân số và gia đình	2.498	2.498		
4	Chi văn hóa thông tin	5.190	5.260	101,35	167,78
5	Chi phát thanh, truyền hình				
6	Chi thể dục thể thao	619	1.190	192,25	151,79
7	Chi bảo vệ môi trường	4.719	4.719	100,00	265,71
8	Chi hoạt động kinh tế	65.601	66.406	101,23	58,64
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	35.226	36.170	102,68	113,72
10	Chi bảo đảm xã hội	35.097	35.097	100,00	144,38
11	An ninh - quốc phòng	7.034	10.234	145,49	145,87
12	Chi khác ngân sách	3.070	3.117	101,53	140,85
13	Các nhiệm vụ phát sinh	0			
14	Chi hoàn trả NS cấp trên theo kiến nghị thanh tra, kiểm toán, trả nợ		13.986		182,25
15	Tiết kiệm tăng thu dự toán năm nay với DT năm trước				
III	Dự phòng ngân sách	13.164	13.164		102,85
IV	Chi ngân sách xã (không kể tiền đất)	155.957	174.746	112,05	97,29
V	Tiết kiệm 10% và cắt giảm dự toán	11.321	0		
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	0	30.005		88,66
C	Chuyển nguồn ngân sách sang năm sau		35.172		237,57